TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2019/DS-PT
Ngày 07-8-2019
V/v tranh chấp đòi nợ tài sản (tiền)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Xuân Sơn;

Thẩm phán: Ông Chu Long Kiếm

Ông Hồ Đức Châm;

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Tuyết Mai- Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Nông Thị Nga - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 19 tháng 7 và ngày 07 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 13/2019/TLPT-DS ngày 29 tháng 5 năm 2019 về tranh chấp đòi nợ tài sản (tiền).

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2019/DS-ST ngày 25 tháng 4 năm 2019 của Toà án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 33/2019/QĐ-PT ngày 26 tháng 6 năm 2019; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 08/2019/QĐPT - DS ngày 19 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Phạm Thị T; cư trú tại: Thôn N, xã N, huyện L, tỉnh Bắc Giang; vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Chị Lê Thị H ; cư trú tại: Thôn N, xã Q, huyện L, tỉnh Bắc Giang, là người đại diện theo ủy quyền (được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 02 tháng 7 năm 2019); vắng mặt.

- *Bị đơn*: Chị Lăng Thị Bích H; cư trú tại: Thôn P, xã P, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn*: Ông Đinh Công T – Luật sư của Văn phòng Luật sư Đinh Công T thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- *Người làm chứng*:

1. Bà Vũ Thị K (tức Q); cư trú tại: Thôn K 1 xã H, huyện L, tỉnh Bắc Giang; vắng mặt.

2. Bà Hoàng Thị Đ; cư trú tại: Thôn S, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Chị Lăng Thị Bích H là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án dân sự sơ thẩm, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời khai của các đương sự nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chị Lăng Thị Bích H và chị Phạm Thị T có quan hệ, giao dịch buôn bán sắn với nhau, trong khi thực hiện giao dịch hai bên cùng thống nhất thỏa thuận số lượng thanh toán ngay hoặc thu mua lần sau thanh toán lần trước, các lần mua bán sắn hai bên có ghi chép sổ để làm cơ sở thanh toán. Kể từ các lần mua bán sắn tính đến ngày 13/5/2014 chốt sổ, chị Lăng Thị Bích H còn nợ lại chị Phạm Thị T số tiền 69.729 NDT (nhân dân tệ) tiền Trung Quốc. Kể từ ngày chốt sổ đến nay chị Lăng Thị Bích H không thanh toán cho chị Phạm Thị T số tiền trên mặc dù chị Phạm Thị T đã đến nhà đòi nợ nhiều lần, chị Lăng Thị Bích H chỉ khất lần không trả nợ.

Nay chị Phạm Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc chị Lăng Thị Bích H trả nợ cho chị Phạm Thị T số tiền 69.729 NDT tiền Trung Quốc tương đương 240.000.000đồng (hai trăm bốn mươi triệu đồng) tiền Việt Nam và tiền lãi phát sinh là 130.000.000đồng (một trăm ba mươi triệu đồng). Tổng cộng chị Phạm Thị T yêu cầu chị Lăng Thị Bích H phải trả cho chị Phạm Thị T số tiền 370.000.000đồng (ba trăm bảy mươi triệu đồng).

Tại các bản khai và lời khai tại phiên tòa chị Lăng Thị Bích H trình bày: Khoảng cuối năm 2013, đầu năm 2014 chị Phạm Thị T mang hàng sắn khô lên cửa khẩu N, huyện V, tỉnh Lạng Sơn để bán cho phía Trung Quốc. Chị là người làm thủ tục giúp chị Phạm Thị T xuất khẩu hàng sang Trung Quốc còn việc thỏa thuận mua bán hàng do chị Phạm Thị T tự giao dịch với A Thái người Trung Quốc. Giữa chị và chị Phạm Thị T không có hợp đồng mua bán sắn mà do chị Phạm Thị T tự mua hàng lên cửa khẩu để bán cho phía Trung Quốc. Nhiều lần hàng bị ẩm mốc, chị đã giúp đỡ chị Phạm Thị T bán hàng, còn giá cả do chị Phạm Thị T và phía Trung Quốc tự bàn bạc, quyết định, chị không biết. Đối với khoản tiền chốt trong sổ chị Phạm Thị T ghi nội dung*"....Ngày 13/5/2014 chốt hàng chị Thắng 934.467 – 80 tr (3383) = 69.729 đồng TQ; Còn nợ chị Thắng số tiền hàng trên đòi được Trung Quốc là A Thái thì trả sớm nếu chưa đòi được trong thời gian 3 - 6 tháng khắc phục thiệt hại dần"* chị Lăng Thị Bích H khẳng định là do chị viết, chốt

trong sổ chị Phạm Thị T với mục đích làm cơ sở để chị sang Trung Quốc đòi tiền A Thái, chứ không phải là số tiền chị nợ chị Phạm Thị T. Số tiền 69.729 NDT Trung Quốc đúng là khoản nợ A Thái cần chốt trả với chị Phạm Thị T. Chị Lăng Thị Bích H khẳng định số tiền gốc và lãi chị Phạm Thị T đòi 370.000.000đồng thuộc trách nhiệm của A Thái (người Trung Quốc) trả cho chi Phạm Thị T chứ không phải thuộc trách nhiệm của chị. Chị Lăng Thị Bích H không chấp nhận thanh toán khoản nợ này cho chị Phạm Thị T.

Những người làm chứng bà Vũ Thị K (tức Q), Hoàng Thị Đ vắng mặt tại phiên tòa nhưng có lời khai cho rằng: Giữa chị Phạm Thị T và chị Lăng Thị Bích H có hợp tác mua bán sắn khô với nhau, chị Phạm Thị T là người bán, chị Lăng Thị Bích H là người mua, sau đó đem bán cho người Trung Quốc; còn việc chị Lăng Thị Bích H đem bán cho ai thì các bà không biết, hai bà còn được biết chị Hồng đã chốt sổ còn nợ chị Phạm Thị T số tiền 69.729 NDT Trung Quốc vào sổ của chị Phạm Thị T. Hai bà cam đoan lời khai là trung thực nếu khai sai sẽ chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Với những nội dung như trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2019/DS-ST ngày 25-4-2019 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 428, 438, khoản 2 Điều 305 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ vào Điều 430, 440, 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm 1 khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 227; khoản 2, 3 Điều 228; Điều 271, 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 2, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị T. Buộc chị Lăng Thị Bích H phải thanh toán cho chị Phạm Thị T tiền gốc là 238.890.000đồng (hai trăm ba mươi tám triệu tám trăm chín mươi nghìn đồng); tiền lãi là: 111.459.000đồng (một trăm mười một triệu bốn trăm năm mươi chín nghìn đồng). Tổng số nợ gốc và nợ lãi chị Hồng phải thanh toán cho chị Thắng là: 350.349.000 đồng (ba trăm năm mươi triệu ba trăm bốn mươi chín nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, chị Phạm Thị T có đơn yêu cầu thi hành án thì chị Lăng Thị Bích H phải trả nợ cho chị Thắng. Nếu chậm trả tiền thì phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm trả.

Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ

luật Dân sự năm 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015

2. Án phí: Chị Lăng Thị Bích H phải chịu 17.517.000 đồng (mười bẩy triệu năm trăm mười bẩy nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch để sung công quỹ Nhà nước. Trả lại cho chị Phạm Thị T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 12.000.000đồng (mười hai triệu đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2012/05231 ngày 23/01/2019.

Ngoài ra bản án còn tuyên về nghĩa vụ phải chịu lãi xuất nếu chậm trả, tuyên quyền kháng cáo cho các bên.

Trong hạn luật định ngày 06 tháng 5 năm 2019, chị Lăng Thị Bích H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét, giải quyết theo hướng không chấp nhận việc đòi nợ của chị Phạm Thị T và chị Lăng Thị Bích H không có trách nhiệm phải hoàn trả số tiền nợ cho nguyên đơn là chị Phạm Thị T.

Trong quá trình thụ lý tại cấp phúc thẩm, ngày 03 tháng 7 năm 2019, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chị Lê Thị H có nộp đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, hiện chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết như sau: Yêu cầu chị Lăng Thị Bích H trả số tiền 238.890.000đồng (hai trăm ba mươi tám triệu tám trăm chín mươi nghìn đồng) là tiền nợ gốc và yêu cầu chị Lăng Thị Bích H phải trả lãi suất chậm trả đối với khoản tiền trên kể từ ngày 01-01-2017 đến 25-4-2019 và xin rút yêu cầu trả lãi suất chậm trả từ thời điểm 14-5-2014 cho đến ngày 31-12-2016.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên ý kiến đã trình bày về việc thay đổi yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn chị Lăng Thị Bích H và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn chị Lăng Thị Bích H vẫn giữ nguyên những ý kiến đã trình bày tại cấp sơ thẩm cũng như nội dung kháng cáo và không có ý kiến về nội dung rút một phần yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự;

- Về hình thức của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của bị đơn chị Lăng Thị Bích H làm trong thời hạn luật định nên kháng cáo là hợp pháp.

- Về nội dung vụ án: Yêu cầu kháng cáo của chị Lăng Thị Bích H không có căn cứ để chấp nhận; tại cấp phúc thẩm phía nguyên đơn chị Phạm Thị T đã rút một phần yêu cầu khởi kiện và chị Lăng Thị Bích H không có ý kiến gì và không phản đối về việc nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện; vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm áp dụng khoản 2 Điều 308; Điều 311 Bộ luật tố tụng Dân sự tuyên xử:

+ Sửa bản án một phần bản án sơ thẩm: Hủy và đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền lãi từ ngày 14/5/2014 đến ngày 31/12/2016.

+ Đề nghị xác định lại án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí phúc thẩm cho chị Lăng Thị Bích H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ vào chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ; ý kiến của các đương sự, Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng khác tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[2] Theo các tài liệu chứng từ sổ sách và lời khai của hai bên đương sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay có cơ sở xác định chị Lăng Thị Bích H và chị Phạm Thị T có mối quan hệ quen biết và làm ăn buôn bán sắn với nhau. Việc cập nhật mua bán hàng, số hàng, tiền hàng và tiền nợ vào sổ cá nhân cả hai bên đương sự đều thừa nhận. Ngày 13/5/2014 hai bên thống nhất xác định số tiền hàng chị Lăng Thị Bích H còn nợ chị Phạm Thị T là số tiền 69.729 NDT (nhân dân tệ) tiền Trung Quốc, qui đổi tương đương 240.000.000đồng tiền Việt Nam và từ đó tới nay chị Lăng Thị Bích H không trả nên chị Phạm Thị T làm đơn khởi kiện yêu cầu chị Lăng Thị Bích H trả khoản tiền nợ gốc cùng khoản tiền nợ lãi phát sinh. Vì vậy, bản án sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp đòi lại tài sản (tiền) là đúng quan hệ pháp luật.

[3] Chị Phạm Thị T vắng mặt tại phiên tòa, nhưng đã có giấy ủy quyền cho chị Lê Thị H được toàn quyền quyết định trong quá trình tham gia giải quyết vụ án. Tại phiên tòa phúc thẩm, chị Lê Thị H vắng mặt và đã có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt. Xét thấy sau khi xét xử sơ thẩm chị Phạm Thị T cũng như người được ủy quyền là chị Lê Thị H không kháng cáo; tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát và phía bị đơn có kháng cáo là chị Lăng Thị Bích H, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn không có ý kiến gì về việc xét xử vắng mặt phía nguyên đơn; do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Phạm Thị T và Lê Thị H theo quy định của pháp luật.

[4] Xét kháng cáo của chị Lăng Thị Bích H yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị T, thấy rằng:

[5] Theo các tài liệu chứng từ sổ sách và lời khai của hai bên đương sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay có cơ sở xác định: Ngày 13/5/2014, chị Phạm Thị T và chị Lăng Thị Bích H đã cùng nhau ký vào giấy chốt nợ tiền, trong đó có ghi nhận rõ: *"....Ngày 13/5/2014 chốt hàng chị Thắng 934.467 – 80 tr (3383) = 69.729 đồng TQ;* ***Còn nợ chị Thắng số tiền hàng trên*** *đòi được Trung Quốc là A Thái thì trả sớm nếu chưa đòi được trong thời gian 3 - 6 tháng khắc phục thiệt hại dần"*. Chị Lăng Thị Bích H thừa nhận chữ viết trong văn bản là của chị Hồng, tuy nhiên chị cho rằng mục đích của giấy chốt nợ trên là làm cơ sở để chị sang Trung Quốc đòi tiền A Thái, chứ không phải là số tiền chị nợ chị Phạm Thị Thắng. Hội đồng xét xử thấy rằng, nội dung văn bản chốt nợ có ghi nhận rõ đây là số tiền chốt nợ giữa chị Phạm Thị T và chị Lăng Thị Hồng, còn việc đòi được tiền A Thái người Trung Quốc chỉ là việc thỏa thuận giữa hai bên về việc giãn nợ, khi nào chị Lăng Thị Bích H đòi được tiền A Thái người Trung Quốc sẽ thanh toán nợ cho chị Phạm Thị T sớm và nếu chưa đòi được tiền thì chị Lăng Thị Bích H sẽ khắc phục dần. Như vậy, có đủ căn cứ để xác định chị Phạm Thị T và chị Lăng Thị Bích H có giao dịch làm ăn buôn bán sắn với nhau và việc chốt tiền hàng vào ngày 13/5/2014 là có thật.

[6] Việc chị Lăng Thị Bích H không thừa nhận có giao dịch làm ăn với chị Phạm Thị T và việc chốt nợ là chốt nợ thay người đàn ông Trung Quốc có tên là A Thái, nhưng ngoài lời khai thì chị Lăng Thị Bích H không xuất trình được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình về việc giao dịch làm ăn giữa chị Phạm Thị T và người đàn ông Trung Quốc tên là A Thái; tại phiên tòa cấp phúc thẩm phía chị Lăng Thị Bích H có xuất trình thêm các tài liệu chứng cứ cho rằng việc mua bán sắn do chị Phạm Thị T trực tiếp giao dịch với A Thái người Trung Quốc, nhưng xem xét các tài liệu không thể hiện giữa chị Phạm Thị T và người đàn ông Trung quốc là A Thái có giao dịch mua bán hàng hóa với nhau. Mặt khác, xét thấy mọi giao dịch mua bán sắn đều được chị Lăng Thị Bích H và chị Phạm Thị T trực tiếp thỏa thuận, giao dịch với nhau, chị Lăng Thị Bích H cũng thừa nhận chị Phạm Thị T chưa bao giờ gặp gỡ trao đổi với A Thái là người Trung Quốc vì chị Thắng không biết nói tiếng Trung Quốc. Vì vậy, cấp sơ thẩm xác định chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải thanh toán tiền nợ gốc với số tiền là 238.890.000 đồng (hai trăm ba mươi tám triệu tám trăm chín mươi nghìn đồng) trên cơ sở tự qui đổi từ tiền Trung Quốc sang tiền Việt Nam trước đây của hai bên đương

sự và tỷ giá hối đoái của Ngân hàng nhà nước Việt Nam tại thời điểm xét xử là có cơ sở.

[7] Về khoản tiền lãi: Thấy rằng, trong quá trình chốt tiền nợ, hai bên đương sự không ghi lãi, không thỏa thuận về lãi. Phía nguyên đơn đề nghị Tòa án tính lãi theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định, trong quá trình thụ lý giải quyết phía nguyên đơn có thay đổi nội dung về lãi suất chậm trả như sau:

[8] Tại cấp phúc thẩm, ngày 03 tháng 7 năm 2019, phía nguyên đơn có đơn xin rút một phần yêu cầu về lãi suất chậm trả từ thời điểm tháng 14-5-2014 cho đến ngày 31-12-2016. Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện, không trái với đạo đức xã hội và phù hợp với quy định của pháp luật, phía bị đơn không phản đối và có ý kiến khác; do đó Hội đồng xét xử cần chấp nhận việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn để hủy và đình chỉ xét xử đối với một phần yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị T theo quy định của luật Tố tụng dân sự.

[9] Về lãi suất chậm trả từ thời điểm từ 01/01/2017 đến ngày 25/4/2019: Tiền lãi được tính theo khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 là 50% mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 là 20%/năm. Như vậy, lãi suất tính đối với số nợ trong thời điểm này là 10%/năm. Tổng số tiền lãi từ 01/01/2017 đến ngày 25/4/2019 là: 238.890.000đồng x 10%/năm (0,83%/tháng) x 27 tháng 22 ngày = 54.975.133 đồng.

[10] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với phần lãi suất chậm trả nên án phí sơ thẩm cần xác định lại như sau, cụ thể: Về số tiền gốc là 238.890.000 đồng; tiền lãi suất từ ngày 01/01/2017 cho đến ngày 25/4/2019 là 54.975.133, tổng số tiền chị Lăng Thị Bích H phải thanh toán cho chị Phạm Thị T là 293.865.133 đồng. Căn cứ khoản 1 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Uỷ ban thường vụ Quốc hội, do chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nên bị đơn chị Lăng Thị Bích H phải chịu toàn bộ án phí với số tiền là 14.693.257 đồng. Hoàn trả lại cho chị Phạm Thị T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 12.000.000đồng (mười hai triệu đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2012/05231 ngày 23/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lộc.

[11] Án phí dân sự phúc thẩm: Do bản án sơ thẩm bị sửa do tình tiết mới nên bị đơn kháng cáo không phải chịu án dân sự phúc thẩm theo khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Uỷ ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308; Điều 311 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của chị Lăng Thị Bích H; sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2019/DS-ST ngày 25-4-2019 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn, cụ thể:

Căn cứ vào Điều 430, 440, 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm 1 khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 148; Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 244; Điều 299; Điều 271; Điều 272; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 26; khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị T. Buộc chị Lăng Thị Bích H phải thanh toán cho chị Phạm Thị T tiền gốc là 238.890.000 đồng (hai trăm ba mươi tám triệu tám trăm chín mươi nghìn đồng); tiền lãi là: 54.975.133 (năm mươi tư triệu, chín trăm bẩy mươi năm nghìn, một trăm ba mươi ba đồng). Tổng số nợ gốc và nợ lãi chị Lăng Thị Bích H phải thanh toán cho chị Phạm Thị T là: 293.865.133 đồng (hai trăm chín mươi ba triệu, tám trăm sáu mươi năm nghìn, một trăm ba mươi ba đồng);

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, chị Phạm Thị T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị Lăng Thị Bích H chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì hàng tháng còn phải chịu lãi xuất đối với số tiền chậm trả, lãi xuất phát sinh do chậm trả được thực hiện theo quy định của Điều 357 và 468 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Hủy và đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện đối với phần lãi xuất chậm trả từ thời điểm ngày 14/5/2014 đến ngày 31/12/2016.

3. Án phí: Chị Lăng Thị Bích H phải chịu 14.693.257 đồng (mười bốn triệu, sáu trăm chín mươi ba nghìn, hai trăm năm mươi bảy đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch để sung công quỹ Nhà nước.

-Trả lại cho chị Phạm Thị T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 12.000.000đồng (mười hai triệu đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2012/05231 ngày 23/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Lạng Sơn.

-Trả lại cho chị Lăng Thị Bích H số tiền 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai số AA/2012/05323 ngày 08/5/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Lạng Sơn.

4. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- TAND huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn;
- Chi cục THADS huyện C, tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Tổ HCTP, KTNV&THA;
- Lưu: Hồ sơ, Tòa DS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Xuân Sơn

CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Đức Châm **Chu Long Kiếm** **Lê Xuân Sơn**